

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẬP THẠCH  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 12 năm 2020

“V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hữu Lực

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Trần Thị Kim Khuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Quang Hào – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Khổng Thị A, sinh năm 1998

Nơi ĐKKHKT: Thôn Xuân Phong, xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc;

Nơi ở hiện nay: Thôn Dầu, xã Tử Du, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Q, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn Xuân Phong, xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 01/10/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải Q vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Khổng Thị A trình bày:

Chị và anh Q kết hôn ngày 15/8/2016, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lôi. Sau khi kết hôn, chị về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh Q. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh Q mãi chơi bởi không chịu làm ăn, thường xuyên ghen vô cớ đả đập chị nhiều lần. Hai bên gia

đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi. Tháng 8/2020, anh Q lại đả chị rất đau nên chị đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên xin được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Minh Nhật, sinh ngày 23/9/2016 và Nguyễn Hoàng KhA Phong, sinh ngày 28/7/2018, hiện hai cháu đang ở với anh Q. Ly hôn, chị đề nghị mỗi người nuôi một cháu và chị xin được trực tiếp nuôi cháu Phong, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải Q.

Bị đơn là anh Nguyễn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai ngày 12/10/2020 và biên bản hòa giải trong quá trình giải Q vụ án, anh Q trình bày:

Anh cũng xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị A trình bày là đúng. Trong thời gian vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường cãi vã nhau; anh có bảo chị A làm công việc khác nhưng chị không nghe nên anh có tát chị A 1 - 2 cái. Tháng 9/2020, chị A bỏ về nhà bố, mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ cho đến nay. Anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, nên nguyện vọng của anh xin được đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác định như chị A trình bày là đúng. Nếu có sự ly hôn, anh xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải Q.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải Q vụ án cho đến giai đoạn Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ, trình tự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải Q vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị A được ly hôn anh Q; về con chung, giao cho chị Anh và anh Q mỗi người nuôi một con chung và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức do chị A và anh Q không đề nghị giải Q nên không xem xét; về án phí, chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Không Thị A và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây

là quan hệ tranh chấp Hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn và nuôi con chung...”. Bị đơn là anh Nguyễn Q có địa chỉ tại xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải Q của TAND huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải Q vụ án, anh Q có đến tòa, tuy nhiên sau khi đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án Q định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Cuộc hôn nhân giữa chị Không Thị A và anh Nguyễn Q là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau nên từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, anh Q có đA chị A. Tháng 8/2020 chị A bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Nay chị A xin ly hôn còn anh Q xin đoàn tụ.

Xét đề nghị của chị A và anh Q thấy rằng: Tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh Q không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin đoàn tụ của anh Q là không thực tâm, bởi lẽ trong suốt quá trình giải Q vụ án, anh Q vẫn không có biện pháp gì hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, do vậy đề nghị của anh Q không có căn cứ chấp nhận. Xét thấy, đề nghị của chị A xin ly hôn anh Q là có căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được xem xét chấp nhận.

[3] Xét đề nghị về việc giao nuôi con chung của chị A và anh Q thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của chị A và anh Q đều như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên. Bản thân anh Q không có việc làm ổn định, kinh tế sẽ gặp nhiều khó khăn. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung chưa thành niên khi vợ chồng ly hôn, cần căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị A và anh Q mỗi người nuôi một cháu và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị A và anh Q không đề nghị Tòa án giải Q nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Không Thị A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **Q ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Cho chị Không Thị A được ly hôn anh Nguyễn Q.

Giao cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng KhA Phong, sinh ngày 28/7/2018; anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Minh Nhật, sinh ngày 23/9/2016, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, chị A và anh Q đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị A và anh Q không đề nghị Tòa án giải Q nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Không Thị A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0007858 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã Xuân Lôi;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Hữu Lực**